

# PHONG TRÀO “VĂN MINH HÓA” Ở VIỆT NAM CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẦU THẾ KỈ XX

## THE MOVEMENT OF “BUNMEI KAIKA” IN VIETNAM IN LATE 19<sup>TH</sup> AND EARLY 20<sup>TH</sup> CENTURIES

Nguyễn Duy Phương

*Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng; phuongduyls@gmail.com*

**Tóm tắt** - Phong trào “Văn minh hóa” ở Việt Nam được khởi xướng và phát triển trong suốt thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX với các đề nghị canh tân đất nước theo xu hướng tiếp thu, học hỏi văn minh phương Tây đã tác động tích cực đến mọi mặt của đời sống xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, đã thức tỉnh ý thức tự cường dân tộc, chống chế độ quân chủ chuyên chế, nâng cao dân trí, mở mang kinh tế, phát triển xã hội theo hướng văn minh... Do đó, việc nghiên cứu, làm sáng tỏ bối cảnh lịch sử, quá trình hình thành, phát triển của phong trào “Văn minh hóa” ở Việt Nam, so sánh với phong trào “Văn minh hoá” ở Nhật Bản, để từ đó đề xuất những bài học hữu ích cho tiến trình hiện đại hoá ở Việt Nam là một việc làm có ý nghĩa về lí luận và thực tiễn.

**Từ khóa** - văn minh hóa, Việt Nam, phong trào, Nhật Bản, canh tân.

### 1. Đặt vấn đề

Vào cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, ở Việt Nam đã dấy lên phong trào “văn minh hóa”, mở đầu với các xu hướng canh tân đất nước của các nhân vật tiêu biểu như Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, và ngày càng phát triển với cuộc vận động tân văn hóa, dân quyền và dân chủ cách mạng do ba nhà cách mạng Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng khởi xướng và lãnh đạo. Phong trào đã tác động tích cực đến mọi mặt của đời sống xã hội Việt Nam lúc bấy giờ, đã thức tỉnh ý thức tự cường dân tộc, chống chế độ quân chủ chuyên chế, nâng cao dân trí, mở mang kinh tế, phát triển xã hội theo hướng văn minh... Bài viết này sẽ tập trung làm rõ nguyên nhân khởi phát phong trào, trình bày quá trình hình thành, phát triển của phong trào “Văn minh hóa” ở Việt Nam, từ đó, phân tích tác động và rút ra những điểm tương đồng và khác biệt của phong trào này ở Việt Nam và Nhật Bản.

### 2. Kết quả nghiên cứu

#### 2.1. Nguyên nhân khởi phát phong trào

Giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là giai đoạn lịch sử Việt Nam có những biến đổi hết sức to lớn. Chế độ phong kiến Việt Nam cùng với hệ tư tưởng Nho giáo ngày càng đi vào con đường suy tàn, tỏ ra bất lực trước yêu cầu bảo vệ đất nước khỏi họa xâm lăng từ thực dân phương Tây. Phong trào Cần vương do vua Hàm Nghi lãnh đạo cho đến phong trào yêu nước của các văn thân, sĩ phu dù sôi nổi, mãnh liệt nhưng cuối cùng đều bị thất bại.

Tại Trung và Bắc kỳ, theo hòa ước 1884, Pháp bảo hộ Việt Nam. Pháp ngày càng củng cố chế độ bảo hộ, áp đảo và thao túng triều đình Huế (1884), biến nước ta thành một nước nửa thuộc địa. Thực dân Pháp đã thiết lập Nha Kinh lược Bắc kỳ (1886) để tách Bắc kỳ ra khỏi triều đình Huế, và cuối cùng thành lập Liên bang Đông Dương (1887), bao

**Abstract** - The movement of “Bunmei Kaika” in Vietnam, which was initiated and developed throughout the nineteenth century and the early twentieth century with the proposal to renovate the country following the trend to acquire and learn about the Western civilization, had positive impacts on all aspects of the social life in Vietnam at this time, awakening the sense of national self - strengthening to fight against the absolute monarchy, to improve the intellectual standards of the people as well as to expand economic and social development in the direction of civilization, ... Therefore, it is of great theoretical and practical significance to investigate and clarify the historical context and the process of shaping and developing the “Bunmei Kaika” movement in Vietnam in comparison with the Japanese one, thereby, proposing useful lessons for the process of modernization in Vietnam.

**Key words** - Bunmei Kaika; Vietnam; movement; Japan; renovate.

gồm Cambodia, Lào, Bắc, Trung và Nam kỳ dưới hệ thống hành chính của Pháp.

Trong việc cai trị tại Trung và Bắc kỳ, Pháp duy trì chế độ quân chủ, sử dụng vua quan triều đình Huế làm công cụ thực hiện chính sách thuộc địa khai thác của Pháp. Nói cách khác, Pháp để cho triều đình Huế tiếp tục duy trì hệ thống cai trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục theo đường lối cổ truyền, miễn sao để cho Pháp trục lợi mà thôi. Nền Nho học và các khoa thi Nho học vẫn được tiếp tục tổ chức cho đến năm 1918 mới chấm dứt. Như thế, vào đầu thế kỉ XX, xã hội Việt Nam vẫn bị đóng khung trong chế độ quân chủ và nền văn hóa Nho giáo, dưới sự kiểm soát của Pháp.

Còn ở miền Nam, sau hai hòa ước năm 1862 và 1874, sáu tỉnh Nam kỳ trở thành thuộc địa Pháp. Từ đó, Pháp trực tiếp cai trị Nam kỳ, thi hành nền hành chính thuộc địa, truyền bá văn hóa Pháp, mở trường dạy chương trình Pháp, dùng Pháp văn và chữ Quốc ngữ làm ngôn ngữ chính thức. Pháp thiết lập những cơ sở kinh tế, phát triển giao thương, xây dựng những cơ quan hành chính, những công trình kiến trúc... Như thế, ngay từ sau hòa ước 1874, toàn thể sáu tỉnh Nam kỳ bắt đầu chuyển biến theo ảnh hưởng của nền văn hóa Pháp dưới sự cai trị của chế độ mới.

Trong lúc các nhà trí thức, yêu nước Việt Nam còn đang bế tắc trong việc tìm kiếm kế sách cứu dân tộc thoát khỏi họa mất nước thì cũng ở châu Á, hai nước lân cận là Trung Quốc và Nhật Bản đã thực hiện thành công công cuộc duy tân theo hướng tiếp thu văn minh phương Tây.

Cùng lúc ấy, các sách báo tiến bộ, mà chúng ta thường gọi là Tân Thư được bí mật chuyển từ Trung Quốc sang, gồm các tác phẩm của Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi, và các sách của Nhật, của Pháp được dịch ra chữ Hán. Qua Tân thư, những nhà canh tân còn tiếp nhận những tư tưởng của các nhà Khai sáng phương Tây thế kỉ XVIII

(J. J. Rousseau, Montesquieu, v.v., của Pháp) cũng như của cả các nhà khoa học, triết học thế kỷ XIX (thuyết “cạnh tranh sinh tồn” của Darwin, Spencer, chủ nghĩa thực dụng của J.S. Mill, D. Hume...). Tân thư trở thành nguồn tri thức mới lạ, tân kỳ, giúp các nhà nho yêu nước mở mang tầm nhìn, khai trí, khai tâm để hướng đến mục tiêu tự chủ tự cường dân tộc. Nhật Bản, Trung Quốc trở thành những tấm gương duy tân thu hút các chí sĩ Việt Nam đến học tập, tiếp thu để cứu nước. Tân Thư đã giúp họ thức tỉnh và nhận ra chỉ có con đường duy tân theo hướng của Nhật Bản, Trung Quốc, tiếp thu học hỏi tư tưởng mới tiến bộ của phương Tây, làm cho đất nước phát triển theo kịp trình độ văn minh, tiến bộ của thời đại thì mới có thể cứu nước, cứu dân tộc thoát khỏi nghèo hèn, yếu kém và họa mất nước. Đặc biệt hơn, từ trong Tân thư, lãnh tụ của phong trào Duy tân – cụ Phan Châu Trinh đã nhận ra cái đau đớn nhất của dân tộc lúc này không chỉ là mất lãnh thổ quốc gia mà lâu dài hơn, sâu sắc hơn, căn bản hơn, khó khăn hơn, nguy hiểm mất còn hơn là một cuộc khủng hoảng văn hóa nghiêm trọng, thậm chí chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Ông đã tìm thấy nguyên nhân mất nước ở trong văn hóa, trong sự lạc hậu nguy hiểm về văn hóa của Việt Nam. So với thế giới văn minh rộng lớn, toàn cầu, chúng ta đã quá lạc hậu, lạc hậu cả một thời đại. Tác giả Lê Thị Hiền Minh ở Đại học Québec, Canada, trong một nghiên cứu gần đây (tháng 9-2010) đã viết: “*Khác với Phan Bội Châu chỉ thấy ở đây một cuộc chiến đấu vũ trang đánh đuổi người Pháp ra khỏi Việt Nam cũng giống hệt như tổ tiên ông đối với quân xâm lược Trung Hoa, Phan Châu Trinh đã nhận ngay ra một vấn đề phức tạp hơn là một cuộc ngoại xâm về mặt lãnh thổ: vấn đề trang bị cho “những người yếu hơn” các phương tiện để bước vào một cuộc tiến hóa ở cấp độ toàn cầu, đưa dân tộc Việt Nam lên con đường hiện đại hóa.*”[1]

Như vậy, đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chế độ phong kiến và tư tưởng Nho giáo đã tỏ ra quá lạc hậu so với sự phát triển chung của thời đại, đặc biệt so với sự tiến bộ của các nước phương Tây. Chính điều đó đã khiến cho dân tộc Việt Nam phải rơi vào vòng nô lệ đầy bi thảm. Trong khi đó, sự thành công của công cuộc duy tân ở Trung Quốc, Nhật Bản cùng với sự truyền bá tư tưởng mới của Tân thư đã giúp các nhà nho yêu nước thức tỉnh và nhận ra cần phải đưa đất nước phát triển theo hướng văn minh hiện đại, phải hội nhập vào xu thế phát triển chung của thời đại. Từ đó trong cả nước đã xuất hiện nhiều nhà duy tân với nhiều chủ trương và việc làm mới, hình thành nên một phong trào “Văn minh hóa” sôi nổi, quyết liệt với nhiều tác động tích cực đến xã hội.

## **2.2. Diễn biến chính của phong trào “văn minh hóa” ở Việt Nam**

Khởi đầu cho phong trào “Văn minh hóa” phải kể đến các đề nghị cải cách và canh tân đất nước của Phan Thanh Giản (1796-1867) cùng Phạm Phú Thứ (1820-1871), sau cuộc đi sứ qua Pháp năm 1863 và các bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ (1828-1871), Nguyễn Lộ Trạch (1843-1898). Bằng tấu sớ, điều trần, khuyến nghị, họ đã đưa ra đề nghị cải cách khá toàn diện, đụng chạm đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Sau đây là một số đề nghị cải cách chính:

- Về kinh tế: Chủ trương phát triển toàn diện nông – công – thương, áp dụng khoa học kỹ thuật phương Tây vào phát

triển kinh tế, mở mang khai mỏ, mở thêm những ngành công nghệ mới, tăng cường buôn bán, trao đổi kỹ thuật với nước ngoài, chú trọng phát triển nông nghiệp, sửa sang hệ thống thủy lợi, đào sông, đắp đê, khai khẩn đất hoang để mở rộng diện tích canh tác, sửa đổi chính sách ruộng đất...

- Về giáo dục: Các nhà canh tân đều có ý thức coi trọng giáo dục, đề nghị triều đình phải đặt vấn đề giáo dục lên hàng đầu; phải xây dựng hệ thống giáo dục trong dân chúng; chú trọng đào tạo và sử dụng người tài; bỏ lối học tầm chương trích cú của Nho học, không thể chỉ dùng văn chương lý lẽ mà phải tiếp thu khoa học - kỹ thuật của phương Tây để thúc đẩy sản xuất, làm cho dân giàu, nước mạnh; cải cách một số môn học và thi cử, cần dạy và học ngoại ngữ...

- Về đối ngoại: Khuyến nghị triều đình phải có chính sách ngoại giao khéo léo để kiềm chế Pháp, điều đình với Pháp để lấy lại 6 tỉnh đã mất, mặt khác, tăng cường thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước khác để cô lập Pháp, dùng các nước để đánh Pháp; mở cửa biển, mở thương điểm thông thương với bên ngoài...

- Về quân sự: Gấp rút sửa đổi việc võ bị, tăng lương bổng cho quan võ và lính, đưa thêm quan văn vào các chức thống lĩnh trong quân đội, trang bị thêm các loại vũ khí hiện đại của phương Tây, sửa đổi chế độ trung binh, tổ chức tuyển quân chu đáo ở các địa phương để tránh tình trạng hụt quân số...

Một số khuyến nghị trên cho thấy các nhà canh tân cuối thế kỷ XIX đã nhận thức đúng thực trạng yếu kém, lạc hậu của đất nước so với sự phát triển của thế giới bên ngoài, từ đó đã đưa ra những kiến nghị mang nội dung phong phú, thiết thực nhằm phát huy nội lực, cải cách xã hội, tự cường dân tộc, chống họa xâm lăng, bảo vệ đất nước. Từ đây, chúng ta cũng thấy được sự thay đổi lớn trong hệ tư tưởng của các nhà nho thời bấy giờ, tấn công vào các hệ tư tưởng phong kiến lỗi thời và đặc biệt là tạo tiền đề cho phong trào Duy tân sau này.

Tuy nhiên, những đề nghị cải cách này còn mang tính chất cục bộ, không vạch ra được phương hướng hành động cụ thể và hợp lý trong tình thế đất nước đang nguy ngập. Hạn chế đó cũng là do hoàn cảnh lịch sử cuối thế kỷ XIX chi phối. Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc chưa đến hồi ngã ngũ, triều đình phong kiến về một phương diện nào đó vẫn đang là đại diện cho một nhà nước có chủ quyền, lãnh đạo nhân dân chống giặc ngoại xâm. Trong bối cảnh đó, những người chủ trương cải cách chấp nhận một phương thức đổi mới trên cái nền xã hội cũ, họ tha thiết với các bản điều trần mong được triều đình phong kiến chấp nhận và thực thi. Trên nền tảng một xã hội nông nghiệp thuần túy, với hơn 90% dân số làm nông nghiệp, sự tụt hậu trầm trọng về mặt kỹ thuật và kinh tế, chỉ có hai giai cấp cơ bản: địa chủ, nông dân thì việc những yêu cầu cải cách chỉ dừng ở bề mặt và mang tính đòi hỏi cá nhân chứ chưa tiếp cận được bản chất của vấn đề và các mâu thuẫn cơ bản cũng là điều dễ hiểu.

Sang đầu thế kỷ XX, ảo tưởng về một triều đại phong kiến đã hoàn toàn sụp đổ. Hiệp ước 1884, 1885 đã thừa nhận quyền thống trị của thực dân Pháp, đánh dấu sự đầu hàng không điều kiện của chính quyền nhà Nguyễn trước những kẻ xâm lăng. Trong bối cảnh đó, những người chủ trương duy tân đã phủ nhận triều đình phong kiến, đề cao

dân quyền, đánh đổ ngai vàng của nhà vua. Dưới sự tác động sâu sắc của hai cuộc khai thác thuộc địa, sự biến đổi về kinh tế, xã hội, xuất hiện một hệ thống đô thị đại diện cho một nền kinh tế hiện đại và các giai cấp mới đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến: công nhân, tư sản, tiểu tư sản thì phong trào Duy tân mới thực sự có một cơ sở kinh tế, xã hội vững chắc để hình thành và phát triển.

Khác với các nhà canh tân cuối thế kỉ XIX, phong trào Duy tân đầu thế kỷ XX chủ trương trực tiếp vận động duy tân với dân chúng khắp nước, chứ không thông qua triều đình Huế, không trình bày đề nghị hay dự án cải cách lên vua hay các đại quan, tiến hành công khai, bất bạo động, tập trung vận động nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí, phát triển dân sinh, vận động dân quyền.

Phong trào Duy tân chủ trương nâng cao dân trí bằng giáo dục, chủ yếu là giáo dục quần chúng, bằng cách vận động mở trường dạy học ở khắp các tỉnh thành trong cả nước. Nội dung giáo dục hướng vào thực tế, dạy đủ các nghề từ công nghiệp đến thương mại, chứ không phải chỉ chăm chú vào sách vở thánh hiền, văn chương chữ nghĩa, học thuyết chính trị, luân lý xã hội. Các môn học được giảng dạy ở nhiều trường là: quốc ngữ, toán, cách trí (khoa học thường thức), lịch sử, địa lý, thể dục... và còn dạy thêm tiếng Pháp, chữ Hán và võ thuật. Ngoài ra, nhà trường còn là nơi tuyên truyền mở rộng công, thương nghiệp, đẩy mạnh sản xuất, phê phán quan lại, đã phá tập tục lạc hậu, thực hiện đời sống mới... Đó là các ngôi trường kiểu mới của dân tộc đầu thế kỷ trước. Nhưng tiêu biểu hơn cả là trường Đông Kinh nghĩa thực ở Hà Nội (đã có nhiều tài liệu viết về trường này). Nhà trường có chương trình đường lối như Văn minh tân học sách, có tổ chức quy mô thu nhận hàng nghìn học sinh, có nhiều hình thức hấp dẫn: “Buổi diễn thuyết người đồng như hội/ Kỳ bình văn khách tới như mưa”... Nhà trường có nhiều tác phẩm xuất sắc được lưu hành, phổ biến ra cả ngoài trường như những tài liệu tuyên truyền cứu nước. Nhiều địa phương khác trong Nam ngoài Bắc đã cố gắng phỏng theo mô hình này, dù ở quy mô nhỏ hẹp hơn.

Tuy xuất thân đại khoa bằng Nho học, những nhà lãnh đạo phong trào Duy tân chủ trương thay thế chữ Nho bằng chữ Quốc ngữ để có thể mở mang giáo dục, vì Quốc ngữ dễ học, dễ viết, có thể dùng làm phương tiện truyền bá kiến thức phổ thông rộng rãi đến dân chúng. Việc chuyển hướng từ chữ Nho qua chữ Quốc ngữ do Phan Châu Trinh và nhóm Duy tân đề xướng vào đầu thế kỷ XX là cánh cửa rộng mở giúp nền văn hoá Việt Nam nhanh chóng đi lên theo đà phát triển khoa học kỹ thuật hiện nay.

Các nhà Duy tân không đồng ý với lối học từ chương cổ điển, nhồi sọ theo giáo điều Tống Nho chỉ để phục vụ chế độ quân chủ, chặn đứng mọi sáng kiến và làm trì trệ xã hội. Chủ trương này thể hiện rõ nét nhất qua hai bài “Chí thành thông thánh thi” của Phan Châu Trinh và “Dan sơn lương ngọc phú” do Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng làm chung, dưới cùng ký tên Đào Mộng Giác, tại trường thi Bình Định năm 1905.

Các nhà duy tân đã tổ chức diễn thuyết ở nhiều nơi, nói về các đề tài liên quan đến vận động học mới, đã kích tư tưởng, phong tục cổ hủ, đề cao dân chủ dân quyền. Nhiều nhà nho có uy tín (các vị tiến sĩ, cử nhân, tú tài, các ông đốc học, giáo thụ, huấn đạo) tham gia công việc này,

gây một phong trào truyền bá tân học rất sôi nổi.

Phong trào Duy tân chủ trương mở mang kinh tế, khuyến khích những sinh hoạt mới mẻ, như lập “nông hội”, và “thương hội”, do những nhân sĩ địa phương đứng ra điều hành. Những tổ chức kinh tế đó so với ngày nay rất tầm thường, nhưng so với thời buổi kinh tế lạc hậu lúc bấy giờ, là một sáng kiến đặc biệt hiếm có, đặt nền móng cho việc phát triển ngành công nghệ và thương mại để thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

### **2.3. Ảnh hưởng của phong trào “Văn minh hóa” đến xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX**

Do những hạn chế của hoàn cảnh lịch sử cuối thế kỉ XIX, thái độ bảo thủ, bạc nhược của triều đình nhà Nguyễn cũng như từ chính hạn chế trong các kiến nghị của các nhà canh tân, nên những kiến nghị của họ đã không biến thành hiện thực, chỉ dừng lại ở các bản tấu dâng lên Tự Đức mà thôi, không có tác động gì đến xã hội Việt Nam lúc bấy giờ. Tuy nhiên, những tư tưởng canh tân này là tiền đề quan trọng để phong trào “Văn minh hóa” tiếp tục phát triển sang đầu thế kỉ XX.

Với những chủ trương và hành động thiết thực của các nhà duy tân, phong trào “Văn minh hóa” đầu thế kỉ XX đã có tác động sâu sắc đến xã hội Việt Nam lúc bấy giờ. Phong trào đã khơi dậy lòng yêu nước, ý thức tự cường dân tộc trong dân chúng, thôi thúc họ học hỏi khoa học kỹ thuật của phương Tây, tiếp thu văn hóa mới để đưa đất nước phát triển theo hướng văn minh của thời đại.

Phong trào cũng đã khiến cho tầng lớp trí thức lúc bấy giờ thấy được sự lạc hậu, bất lực của chế độ phong kiến cùng tính bảo thủ của Nho giáo, để từ đó mạnh dạn chống lại lối học chạy theo khoa cử cũ, cổ xúy lối học mới, thiết thực đối với cuộc sống.

Với tư duy mới về kinh tế cùng những hoạt động “chấn hưng thực nghiệp” thiết thực, phong trào Duy tân cũng đã mở rộng tầm nhìn về quốc kế dân sinh, góp phần thúc đẩy nền kinh tế tư sản dân tộc phát triển.

Phong trào Duy tân đã cho thấy ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản – hệ tư tưởng tiến bộ đối với Việt Nam lúc bấy giờ. Những tư tưởng mới này đến với Việt Nam, tuy bấy giờ chưa phải là một hệ thống lý luận hoàn chỉnh, nhưng cũng đã phần nào đáp ứng được tâm tư, nguyện vọng của quần chúng đang bị áp bức bóc lột trong cuộc sống bần cùng, tăm tối dưới ách thống trị của đế quốc và phong kiến. Từ phong trào Duy tân, những vấn đề chính trị trước đây chỉ được bàn luận hạn chế trong triều đình, nay được trình bày công khai trên báo, hay diễn thuyết cho toàn thể dân chúng cùng nhau tham gia thảo luận.

Chủ trương chính trị của phong trào tuy ảnh hưởng chậm chạp, lặng lẽ, nhưng sâu rộng trong quần chúng. Chính phong trào Duy tân đã sửa soạn dư luận quần chúng, tạo nên sự chuyển biến, đưa đến hệ tư tưởng dân chủ ngày nay. Những cuộc biểu tình tuần hành trong cuộc Trưng kỳ dân biến năm 1908, đòi hỏi giảm sưu, hạ thuế, chính là kết quả trực tiếp của công cuộc vận động của phong trào Duy tân.

### **2.4. So sánh phong trào “Văn minh hóa” của Nhật Bản và Việt Nam**

Nhật Bản là quốc gia đi đầu và đến đích sớm trong

phong trào “văn minh hóa”. Từ 1868, vua Minh Trị đã tiến hành hàng loạt các cuộc cải cách dựa trên ý chí Nhật Bản cộng với mô hình xã hội và thiết chế chính trị phương Tây. Tìm hiểu phong trào “Văn minh hóa” ở Nhật Bản và Việt Nam, chúng ta sẽ thấy có một số điểm tương đồng.

Thứ nhất, phong trào “Văn minh hóa” ở Nhật Bản cũng khởi phát từ nửa sau thế kỉ XIX, lúc đó đất nước này cũng đang chìm trong màn đêm phong kiến bảo thủ, trì trệ, chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho giáo như ở nước ta, chịu sự đe dọa xâm lược của các nước phương Tây.

Thứ hai, xu hướng cải cách chính của Nhật Bản cũng giống như Việt Nam là xóa bỏ những định chế lạc hậu của thể chế phong kiến cản trở sự phát triển của đất nước, mở cửa tiếp nhận văn minh phương Tây để canh tân đất nước.

Thứ ba, cũng giống như Việt Nam, trong phong trào “Văn minh hóa” thì Tân thư có vai trò cực kì quan trọng, là nhịp cầu tư tưởng quan trọng kết nối người Nhật với người phương Tây. Nhờ đó mà người Nhật sớm thoát khỏi ảnh hưởng tư tưởng chính trị và học thuật Trung Hoa, khi ấy đã trở thành lạc hậu, bảo thủ, kìm hãm sự phát triển của lịch sử; đồng thời, đó cũng là phương tiện quan trọng nhất để người Nhật tiếp cận và tiếp thu một cách có bài bản, hệ thống không chỉ các tri thức, các thành tựu về khoa học kỹ thuật, mà còn cả những tư tưởng mới về tự do, dân chủ, dân quyền; về các thiết chế xã hội từ các nhà tư tưởng – triết học châu Âu như Descartes, Voltaire, Rousseau, Montesquieu...

Bên cạnh những điểm tương đồng thì phong trào “Văn minh hóa” của Nhật Bản và Việt Nam cũng có nhiều điểm khác biệt.

Trước khi cuộc cải cách diễn ra, tức dưới thời Edo (1600 – 1868) xã hội Nhật Bản cũng đã sản sinh ra nhiều nhân tố phát triển mới. Thành thị ra đời và phát triển nhanh chóng đã kéo theo sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa, đặt cơ sở cho sự ra đời của một thị trường kinh tế thống nhất ở Nhật Bản. Trên nền tảng của văn hóa truyền thống, những luồng gió mới cho đời sống văn hóa Nhật Bản một diện mạo mới, nhiều luồng tư tưởng mới mang ý nghĩa khai sáng đã xuất hiện góp phần quan trọng phá vỡ xu thế độc tôn của Khổng học, mở rộng tầm nhận thức của dân tộc. Cùng với sự đổi mới của văn hóa, tư tưởng, giáo dục Nhật Bản thời kì này cũng từng bước thoát khỏi định chế phong kiến và ngày càng trở thành nhu cầu học tập của đông đảo các tầng lớp nhân dân. Nếu triều đình phong kiến nhà Nguyễn suốt thời gian trị vì của mình luôn thi hành chính sách hạn chế tiếp xúc với phương Tây thì ở Nhật Bản trước khi cải cách Minh Trị diễn ra, chính quyền Nhật Bản đã chủ động mở cửa tích cực, nhanh chóng nắm bắt những mô hình phát triển tiên tiến cũng như những thành tựu của khoa học, kỹ thuật phương Tây nhằm đưa Nhật Bản mau chóng hòa nhập với sự phát triển chung của nhân loại. Chính những điều này là cơ sở quan trọng để phong trào “Văn minh hóa” ở Nhật Bản đi đến thành công. Ở Việt Nam, những nhà duy tân hoàn toàn không có những tiền đề thuận lợi như thế.

Ở Việt Nam, lực lượng duy tân chủ yếu là tầng lớp trí

thức yêu nước, những người không có hoặc có rất ít quyền lực về chính trị, một ít trong số họ đã từng đến phương Tây và đã tiếp cận với nền văn minh phương Tây nhưng chưa có sự hiểu biết sâu sắc về nền văn minh này. Trong khi đó, quan lại và triều đình phong kiến gần như cự tuyệt với phong trào. Khác với Việt Nam, chính quyền Nhật Bản đứng đầu là Thiên Hoàng Minh trị là lãnh đạo tối cao của phong trào; lực lượng chính trong phong trào cải cách là tầng lớp Samurai, họ là những người có uy tín, có thể lực lớn về chính trị lẫn kinh tế trong xã hội phong kiến Nhật Bản. Những nhân vật lãnh đạo chủ chốt của phong trào đều là những trí thức từng du học tại châu Âu, họ đã nghiên cứu khá thấu triệt về xã hội phương Tây.

Các đề nghị cải cách, duy tân ở Việt Nam đều bị triều đình phong kiến và thực dân Pháp tìm cách dập tắt, dẫn đến thất bại. Tuy có diễn ra sôi nổi, nhưng cuối cùng phong trào “Văn minh hóa” ở Việt Nam vẫn không đem lại sự biến chuyển căn bản cho xã hội, không thể cứu dân tộc khỏi họa ách nô lệ thực dân. Trong khi đó, ở Nhật Bản, phong trào “Văn minh hóa” đã đạt nhiều thành tựu to lớn, giải thể hoàn toàn chế độ phong kiến, xây dựng được một thể chế chính trị mạnh, đồng thời tích cực chuẩn bị những nền tảng căn bản cho việc kiến lập một nhà nước hiện đại theo hướng tư bản chủ nghĩa. Thiên hoàng – Minh Trị và các nhà Duy tân Nhật Bản đã nhanh chóng đưa nước Nhật trở thành một quốc gia hùng cường ở châu Á, có tiềm lực trí tuệ và tiềm lực vật chất kỹ thuật để đuổi kịp và vượt các nước Âu-Mỹ chỉ trong vòng trên dưới 30 năm.

### 3. Kết luận

Mặc dù tất cả các xu hướng, tư tưởng canh tân, duy tân đất nước cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX đều chưa giành được thắng lợi như ở Nhật Bản, Trung Quốc, không tạo được sự thay đổi mang tính cách mạng cho đất nước, nhưng nhìn chung, phong trào “Văn minh hóa” đã có ảnh hưởng lớn đến trình độ giác ngộ và tinh thần đấu tranh của nhân dân, tác động sâu sắc đến hệ tư tưởng, ý thức chính trị, tư duy kinh tế, trình độ văn hóa của xã hội Việt Nam lúc bấy giờ. Nhiều yếu tố văn minh phương Tây đã lần đầu tiên được du nhập và truyền bá đến giới trí thức và đông đảo quần chúng nhân dân trong cả nước, góp phần tạo nên diện mạo mới cho nền kinh tế - xã hội Việt Nam. Đó là tiền đề quan trọng cho công cuộc đổi mới toàn diện đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thái Nhân Hòa (2005), *Xu hướng canh tân - Phong trào Duy tân - Sự nghiệp đổi mới*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [2] Nguyễn Văn Kim (2007), “Cải cách Minh Trị ở Nhật Bản, tiến trình và ý nghĩa lịch sử”, in trong *Một số chuyên đề lịch sử thế giới, tập 2*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Nguyễn Ngọc (2011), “Phan Châu Trinh và chương trình dang dở”, diendan.org.
- [4] Nguyễn Q. Thắng (2006), *Phong trào Duy tân - các khuôn mặt tiêu biểu*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
- [5] Phan Trọng Thường, “Tân thư và phong trào Duy Tân ở Nhật Bản, Trung Quốc và Việt Nam thời kỳ cận đại”, <http://khoavanhocngonngu.edu.vn/>.